

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 5-4-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Võ Viết Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thủy T, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh A. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quốc C, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện H, tỉnh A. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03 tháng 12 năm 2018, các bên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thủy T trình bày:*

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Lê Quốc C đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh A vào ngày 13/02/2014, số 06 quyển số 01. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến năm 2017 thì phẫn nộ sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do sống không hợp nhau nên vợ chồng thường cãi vã bất đồng quan điểm. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình nên bày yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê Quốc P, sinh năm: 03/01/2016, giới tính: Nam. Trong thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Quốc P, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con Lê Quốc P.

3. *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà T cho rằng không có nợ chung, nên bà không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, là đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B được pháp luật công nhận, nay cuộc sống giữa bà T và ông C phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa giữa bà T và ông C đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Vì vậy bà T yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi con chung Lê Quốc P và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng, phù hợp theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 26, 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông C vắng mặt ở địa phương, bà T đã hợp đồng thông báo nhắn tin số 140518/ NT-3/HĐTT-CNHCM ngày 14/5/2018 nhắn tin số báo 42, 43, 44 trong tháng 5, 6 năm 2018 tìm kiếm ông C về địa phương để giải quyết hôn nhân và tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng là bị đơn trong vụ án ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức Niêm yết tại nhà tại trụ sở UBND xã B, huyện Tân Hưng và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông C có hộ khẩu tại xã B, huyện Tân Hưng và đi làm ăn xa nhưng vẫn về nhà cha ruột ở xã B nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý, giải quyết đúng theo điểm a khoản 1 Điều 40 BLTTDS

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ và niêm yết nhiều lần nhưng ông Lê Quốc C không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã niêm yết họp lệ các văn bản cho ông Chung, nhưng ông C vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông C là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, ông C không còn sống chung với bà T. Hai vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6/2017 không có liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông C có một con chung tên Lê Quốc P, sinh năm: 03/01/2016, giới tính: Nam. Bà T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung Lê Quốc P, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay bà T đang nuôi dưỡng cháu P vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt như tinh thần và vật chất.... Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung tên Lê Quốc P. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

**[3] Về án phí** Tranh chấp giữa các đương sự được Tòa án thụ lý sau ngày 01/01/2017. Do đó, Tòa án áp dụng pháp lệnh về án phí Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Các Điều 17, 27, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326 Ngày 01/ 01/ 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

**1. Về hôn nhân:** Bà Bùi Thủy T được ly hôn với ông Lê Quốc C.

**2. Về con chung:** Bà Bùi Thủy T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Quốc P, sinh ngày 03/01/2016, giới tính: Nam. (Hiện cháu P đang sống với chị T).

**3. Về cấp dưỡng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Ông C không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

#### **4. Về án phí**

Bà Bùi Thủy T phải chịu án phí 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008508 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Ngô Văn Thành**